

Giồng Riềng, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Số: 264/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ thụ lý dân sự số : 374/2017/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017. **Giữa:**

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn Th-** sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp Chín Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị **Lê Ngọc B-** sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp Chín Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Th và chị Lê Ngọc B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Lê Văn Th và chị Lê Ngọc B công nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Huyền Tr, sinh ngày 12/9/1998 và Lê Quốc B, sinh ngày 26/10/2005; con tên Lê Huyền Tr, sinh ngày 12/9/1998 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con tên Lê Quốc B, sinh ngày 26/10/2005 hiện đang sống với chị B, anh Th giao con tên Lê Quốc B cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/2/2018 dl, đến khi cháu B đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật).

Anh Th có quyền đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên anh Th và chị B chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng anh Th tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

-Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, do anh Th và chị B tự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nên anh Th chỉ phải chịu án phí cấp dưỡng 50% là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tổng cộng anh Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008351 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, anh Lê Văn Th đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND, Huyện;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Chuyên